

Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Lâm Thị Hương
Ngày soạn: 14/9/2026
Lớp dạy: 10/12
Thời gian thực hiện: Tuần 3

Chủ đề 1: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC
BÀI 7: THỰC HÀNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ THÔNG DỤNG
Môn: Tin học – Lớp: 10 - Thời gian thực hiện: 2 tiết: Tiết 5,6

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết được thiết bị số cá nhân thông dụng thường có những gì.
- Biết được một số tính năng tiêu biểu của thiết bị số cá nhân thông dụng
- Khai thác sử dụng một số ứng dụng và dữ liệu trên các thiết bị di động như máy tính bảng (tablet), điện thoại thông minh (smartphone).

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc theo nhóm để giải quyết những yêu cầu của GV.
- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: HS trả lời các câu hỏi của GV và bổ sung, đưa ra một số ví dụ minh chứng liên quan đến nội dung bài học.

2.2. Năng lực chuyên môn: Năng lực Tin học;

- Nla: Sử dụng được một số ứng dụng và dữ liệu trên các thiết bị số thông dụng.

2.3. Năng lực số:

- **2.2.NC1a:** Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm, sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá và tham khảo.
- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong quá trình học tập và làm việc nhóm; lên án sự gian lận của các nhóm (nếu có).
- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ, hoàn thành báo cáo để đưa ra kết quả.
- Chăm chỉ: Chăm học hỏi, có tinh thần tự học; nhiệt tình, năng nổ trong hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi (máy chiếu)

2. Học liệu:

- Học sinh: SGK Tin học 10, SBT Tin học 10.
- Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ (phiếu học tập), phiếu đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và một số tài liệu có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (10 phút)

- Mục tiêu:* Tạo hứng thú học tập cho học sinh.
- Nội dung:* GV đưa ra hình một số thiết bị. Yêu cầu HS nhận biết tên các thiết bị.
- Sản phẩm:* Từ yêu cầu, Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.
- Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh.



Hình 7.1. Một số thiết bị số hỗ trợ cá nhân

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Nêu tên các thiết bị thông minh trong hình.

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát, nghiên cứu SGK, suy nghĩ câu hỏi của GV đưa ra.

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS xung phong trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

- GV nhắc lại tên các thiết bị trong hình là máy tính bảng, điện thoại thông minh và đồng hồ thông minh.

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)

2.1. Tìm hiểu thiết bị trợ thủ số cá nhân

a. *Mục tiêu:* Biết được một số thiết bị là trợ thủ số cá nhân và các ứng dụng tiêu biểu.

b. *Nội dung:* HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. *Sản phẩm:* HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức về PDA.

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV: Chia lớp thành 8 nhóm và nêu đặt câu hỏi:

Câu 1: Sự phát triển của Công nghệ thông tin và vi điện tử đã dẫn tới sự ra đời của hàng loạt các thiết bị số hỗ trợ cá nhân, còn gọi là trợ thủ số cá nhân. Các em hãy liệt kê một số thiết bị có thể là trợ thủ số cá nhân và các ứng dụng tiêu biểu đi kèm?

Câu 2: Kết nối nào không phải là kết nối phổ biến trên các PDA hiện nay ?

A. Wifi. B. Bluetooth. C. Hồng ngoại. D. USB

HS: Thảo luận, trả lời.

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.

- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại kiến thức

2.2. Thực hành sử dụng thiết bị số cá nhân

a. *Mục tiêu:* - HS tìm hiểu về các tính năng cơ bản khi sử dụng PDA (smartphone- điện thoại thông minh).

- Cách khởi động, tìm hiểu màn hình làm việc và các chức năng, chức năng của các ứng dụng, cách thực hiện các thao tác như mở, xem, chỉnh sửa, xóa... với 1 ứng dụng quản lý tệp smartphone..

b. *Nội dung:* HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. *Sản phẩm:* HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức về PDA.

d. *Tổ chức thực hiện:*

Phân lớp ra 8 nhóm và hoạt động để hoàn thành yêu cầu trên Phiếu học tập 1

PHIẾU HỌC TẬP 1: Tìm hiểu cách sử dụng điện thoại thông minh

Nhiệm vụ	Nêu cách thực hiện
Nhiệm vụ 1: Quan sát để nhận biết các nút bấm của điện thoại thông minh. Khởi động điện thoại thông minh, tìm hiểu hệ điều hành đang sử dụng và các chế độ của màn hình.	
Nhiệm vụ 2: Làm quen với màn hình làm việc và các chức năng trên màn hình của điện thoại thông minh.	
Nhiệm vụ 3: Quan sát các biểu tượng điện thoại thông minh. Tìm hiểu thêm về các chức năng và các ứng dụng trên điện thoại thông minh.	
Nhiệm vụ 4: Hãy tìm xem trên điện thoại của bạn một ứng dụng quản lý tệp: Mở một tệp ảnh bất kì để xem thông tin, xóa tệp trên đám mây.	

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (12 phút)

a. *Mục tiêu:* củng cố, luyện tập kiến thức vừa học trong bài.

b. *Nội dung:* HS đọc SGK làm các bài tập.

c. *Sản phẩm:* Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ Giao nhiệm vụ:

Yêu cầu HS hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1. Điện thoại thông minh khác với điện thoại thường ở điểm nào?

A. Có danh bạ.

B. Có thể nhắn tin.

C. Có thể kết nối Internet.

D. Có hệ điều hành và có thể chạy được một số ứng dụng.

Câu 2. Em hãy chụp một tấm ảnh bằng điện thoại thông minh. Sau đó vào hệ thống quản lý tệp để tìm đến thư mục chứa ảnh đã chụp. Em hãy mở xem ảnh đó, sau đó xóa đi.

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** Mỗi học sinh có thể dùng điện thoại của mình để tìm hiểu hoặc trao đổi với bạn để hoàn thành các bài tập.

♦ **Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành xong các bài tập GV gọi một số HS đại diện để trình bày và GV đánh giá.

♦ Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS.

- GV nhắc lại đáp án: Câu 1 đáp án C.

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG (8 phút)

a. *Mục tiêu:*

- Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

- **2.2.NC1a:** Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp.

b. *Nội dung:*

- GV giao bài tập cho HS thực hiện.

- GV đánh giá chung kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm trong suốt quá trình học Bài 7.

c. *Sản phẩm:* HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra 2 bài tập cho HS như sau:

Câu 1. Em hãy kết nối điện thoại thông minh với máy tính để sao chép ảnh chụp vào thư mục trên máy tính.

Câu 2. Hãy thực hành lưu trữ các ảnh đó trên dịch vụ lưu trữ đám mây.

Câu 3. Hãy thực hành gửi các ảnh này qua phần mềm hỗ trợ học trực tuyến như Zoom.

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm bài tập GV giao (*HS chia sẻ dữ liệu qua công cụ số bằng cách thực hành sử dụng các chức năng cơ bản trên thiết bị thông minh.*).

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS sẽ sử dụng điện thoại của mình để thực hiện các nhiệm vụ các bài tập (GV gọi ngẫu nhiên 3 HS).

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của những HS được gọi lên thực hiện (tiết học sau).

- GV đánh giá, nhận xét chung kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tuyên dương, khen thưởng các nhóm có kết quả tốt.

PHỤ LỤC
ĐÁP ÁN CÁC PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhiệm vụ	Nêu cách thực hiện
Nhiệm vụ 1: Quan sát để nhận biết các nút bấm của điện thoại thông minh. Khởi động điện thoại thông minh, tìm hiểu hệ điều hành đang sử dụng và các chế độ của màn hình.	Bước 1: Quan sát điện thoại thông minh (hình 7.4). Phía hai bên thân máy thường có một số nút bấm như:  Nút khóa: Dùng để bật máy hoặc tắt màn hình Nút tăng/giảm âm lượng. Một số máy có nút bật tắt âm thanh. Bước 2. Bấm nút khóa để khởi động điện thoại di động. Quan sát và nhận biết hệ điều hành trên điện thoại đang dùng.
Nhiệm vụ 2. Làm quen với màn hình làm việc và các chức năng trên màn hình của điện thoại thông minh.	Bước 1. Quan sát màn hình làm việc của điện thoại thông minh. Màn hình chính có một số thông tin như sau:



Thanh trạng thái: hiển thị tình trạng kết nối, thời gian hiện tại, tỉ lệ % pin 16:10 còn lại...

Các biểu tượng ứng dụng (application – gọi tắt app) cài trên máy. Các ứng dụng được nhà sản xuất cài đặt sẵn hoặc do người dùng cài đều được liệt kê ở đây. Với kích thước hữu hạn của màn hình chính, sau một thời gian, màn hình sẽ hết chỗ, khi đó sẽ có thêm các trang để chứa các biểu tượng của các ứng dụng mới

Thanh truy cập nhanh chứa các ứng dụng hay dùng, sẽ được lập lại ở cuối tất cả các trang của màn hình chính.

Thanh điều hướng (navigation bar). Hầu hết các thiết bị sử dụng hệ điều hành Android không trang bị nút Home vật lí, thay vào đó là thanh điều hướng với các nút ảo ở dưới màn hình cảm ứng, trong đó có hai nút cảm ứng rất quan trọng là nút **Quay lại** (Back) và nút hiển thị danh sách tất cả các ứng dụng đang chạy là nút **Tổng quan** (Overview).

Bước 2: Thực hiện các thao tác sau và nhận xét

Bấm nút Home.

Vuốt màn hình cảm ứng theo các chiều trái, phải, lên.

Bấm vào phím **Quay lại** và phím **Tổng quan** (nếu dùng điện thoại có hệ điều hành Android).

Nhiệm vụ 3. Quan sát các biểu tượng điện thoại thông minh. Tìm hiểu thêm về các chức năng và các ứng dụng trên điện thoại thông minh.

Bước 1. Quan sát các biểu tượng Hình 7.6 và cho biết những ứng dụng mà em biết Các chức năng và các ứng dụng có sẵn hoặc được cài đặt sau này đều được thể hiện bởi các biểu tượng trên màn hình.



Một số chức năng thiết yếu của điện thoại là: Gọi điện, Nhắn tin, Quản lý danh bạ.

Một số ứng dụng thường dùng có sẵn trên điện thoại là: Chụp ảnh và quản lý kho ảnh, Trình duyệt, Email, Máy tính, Lịch, Hẹn giờ, Báo thức,

Chợ phần mềm, ...

Người sử dụng có thể cài đặt thêm các ứng dụng khác lấy từ chợ phần mềm trên mạng xuống như các chương trình hỗ trợ học tập trực tuyến Zoom, MS Teams, Google Meets,... các dịch vụ lưu trữ đám mây như OneDrive, Google Drive,...

Bước 2: Mở một ứng dụng hỗ trợ học tập trực tuyến như Zoom, Google meets tham gia buổi học trực tuyến do thầy/ cô giáo thiết lập

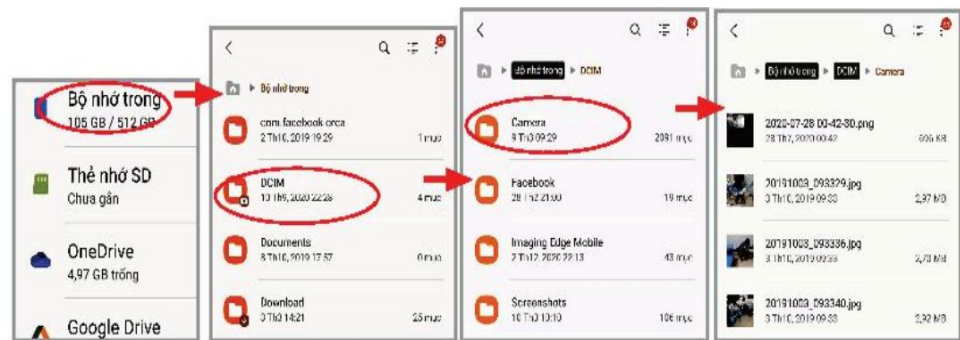
Mở và đăng ký dịch vụ lưu trữ đám mây như OneDrive, Google Drive.

Nhiệm vụ 4. Hãy tìm xem trên điện thoại của bạn một ứng dụng quản lý tệp: Mở một tệp ảnh bất kì để xem thông tin, xóa tệp trên đám mây.

Bước 1: Mở ứng dụng quản lý tệp

Bước 2: Thao tác mở, chọn, xem, sao chép, di chuyển các tệp tin trên điện thoại.

Ví dụ, để truy cập vào thư mục ảnh chụp ở bộ nhớ để xem các tệp ảnh



Nếu chọn thư mục hay tệp bằng cách chạm và giữ lâu một chút, sẽ xuất hiện các nút điều khiển để ta có thể di chuyển, sao chép, chia sẻ hoặc xóa thư mục hay tệp.

